TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HS-ST
Ngày 21-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Huấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vàng A Hý** và ông **Khoàng Văn Sơn**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lò Văn Hương**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông **Lê Xuân Chiến**, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Sùng A D, sinh năm 1979, tại huyện T, tỉnh Điện Biên.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản N 2, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin Lành; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Sùng A C, đã chết; Con bà: Giàng Thị S, đã chết.

Bị cáo có vợ Phàng Thị D, sinh năm 1979 và 05 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/6/2022, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Sùng A D:** Ông Lê Đình T, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vàng Văn C, chức vụ Chủ tịch UBND xã N, xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Giàng A L, Phó chủ tịch UBND xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

2. Quàng Văn T, Kiểm lâm viên địa bàn xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

*** Người được triệu tập đến phiên toà:** Ông Nguyễn Duy T, Phó Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tiểu khu 414B1 được Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên quy hoạch rừng phòng hộ theo Quyết định 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 thuộc địa phận bản N 4, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên. Diện tích rừng này sau khi quy hoạch đã được giao cho UBND xã N quản lý, bảo vệ. Khoảng đầu tháng 01 năm 2022, Sùng A D ở bản N 2, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên mang theo 01 con dao quắm lên khoảnh 4 thuộc tiểu khu 414B1 nói trên chặt phá lấy đất làm nương. Trong quá trình chặt phá thì bị cáo nhìn thấy Phàng A P, Sùng A C ở cùng bản bị cáo cũng đang chặt phá ở các diện tích bên cạnh. Khi bị cáo đang chặt phá thì có tổ công tác gồm ông Giàng A L, Phó chủ tịch UBND xã, Quàng Văn T, Kiểm lâm viên địa bàn xã N đến tuyên truyền, vận động, yêu cầu dừng việc chặt phá rừng và thông báo khu vực trên được quy hoạch thành rừng. Sau khi nghe giải thích thì bị cáo chấp hành đi về. Đến sáng hôm sau, bị cáo tiếp tục mang theo cưa máy của gia đình đến khu vực rừng đã phát trước đây chặt phá, cưa hạ những cây to. Bị cáo phá liên tiếp trong hai ngày với diện tích 5.535,18 m^2, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 14.754.400 đồng. Ngày 17/01/2022, UBND xã N ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND đình chỉ hành vi phá rừng trái pháp luật đối với Sùng A D đồng thời yêu cầu bị cáo giữ nguyên hiện trường, không được đốt dọn hay sử dụng vào mục đích khác trên diện tích rừng đã chặt phá.

Kết luận giám định số 03/KL-GĐ ngày 20/5/2022 của Chi cục Kiểm lâm sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên kết luận: Diện tích bị chặt phá 5.535,18 m^2 là rừng phòng hộ tiểu khu 414B1 khoảnh 4 thuộc bản N 4, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên chưa giao, chưa cho thuê, hiện UBND xã N đang quản lý theo khoản 3 Điều 102 Luật lâm nghiệp; Trạng thái rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh ngèo kiệt, trữ lượng cây đứng từ 10 đến 50 m^3/ha; Khối lượng lâm sản bị thiệt hại trên diện tích bị chặt phá 16,235 m^3; Loài cây gỗ bị chặt phá chủ yếu là Thành ngạnh, Vối thuốc, Hoắc quang, Ba soi và một số cây chưa xác định được tên loài ký hiệu.

Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 18/3/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện N xác định tổng giá trị thiệt hại về lâm sản tại khu vực rừng đã bị hủy hoại trị giá 14.754.400 đồng.

Cáo trạng số 40/CT-VKSNP ngày 27/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Sùng A D về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; Điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự; Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên phạt bị cáo Sùng A D từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ về tội Hủy hoại rừng. Tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên toà nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác. Không áp dụng hình phạt bổ sung; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 14.754.400 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, miễn án phí HSST cho bị cáo.

Đại diện cho UBND xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên là nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước với số tiền Hội đồng định giá về tài sản đã xác định. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn khấu trừ thu nhập và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, bản luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N và luận cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Sùng A D có tội. Các chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sùng A D có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[2] Về tính chất mức độ phạm tội:

Bị cáo Sùng A D đã hủy hoại với mức độ thiệt hại trên diện tích rừng bị chặt phá 5.535,18 m^2, Khối lượng lâm sản bị thiệt hại trên diện tích bị chặt phá 16,235 m^3. Tổng giá trị thiệt hại tính bằng tiền theo kết luận định giá tài sản của cơ quan định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 14.754.400 đồng. Diện tích rừng phòng hộ bị cáo hủy hoại trong khoảng từ 3.000 m^2 đến dưới 7.000 m^2 thì tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự với mức phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 01 đến 05 năm.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Sùng A D là người dân tộc Mông sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, mặc dù chính quyền địa phương cũng như các ban ngành đoàn thể ở xã, bản đã tuyên truyền về chính sách phát triển, bảo vệ rừng nhưng do bị cáo nhận thức không đầy đủ nên để có diện tích nuôi cỏ chăn thả gia súc phục vụ cho nhu cầu của cuộc sống bị cáo đã cố tình phạm tội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối chiếu các quy định tại khoản 1 của Điều 52 Bộ luật hình sự thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; tại giai đoạn điều tra, bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại 14.754.400 đồng; bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra khai báo về hành vi phạm tội của Phàng A P, Sùng A C. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N có văn bản số 71/CV-CQĐT ngày 30/6/2022 đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ, lai lịch nhân thân rõ ràng. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chấp hành tốt các quy định của pháp luật của Nhà nước. Hội đồng xét xử xét thấy không nhất thiết phải áp dụng hình phạt cách ly đối với bị cáo mà áp dụng áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo để chính quyền địa phương cùng gia đình giúp đỡ cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự bị cáo bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Xét thấy điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, thu nhập của bị cáo chủ yếu dựa vào làm ruộng, nương, gia đình là hộ nghèo theo quy định của Chính phủ. Với nhận định như trên Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 20 triệu đồng đến

100 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, gia đình bị cáo là hộ nghèo, bị cáo không giữ chức vụ gì trong xã hội, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Sùng A D.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản cho Nhà nước số tiền 14.754.400 đồng theo biên lai thu tiền số 2818 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Hạt Kiểm lâm huyện N, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về vật chứng: Vật chứng là một con dao quắm và một chiếc máy cưa cầm tay là phương tiện bị cáo sử dụng chặt phá cây rừng. Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không truy tìm được vật chứng. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vật chứng là toàn bộ số lượng củi, gỗ tận thu để lại trên hiện trường, do chi phí vận chuyển lớn, lực lượng Kiểm lâm mỏng, đường xá đi lại khó khăn. Hạt Kiểm lâm huyện N đã giao cho UBND xã N trông coi số vật chứng trên không để mất mát, tự phân hủy tại hiện trường để cải tạo đất rừng. Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[11] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Sùng A D có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

[12] Các vấn đề khác: Đối với trách nhiệm của ông Giàng A L, Phó chủ tịch UBND xã N và ông Quàng Văn T, Kiểm lâm viên địa bàn xã N đã để xảy ra các vụ huỷ hoại rừng trên địa bàn mình quản lý, Hội đồng xét xử kiến nghị: Tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng, khắc phục tình trạng quản lý lỏng lẻo, thiếu tinh

thần trách nhiệm trong quản lý diện tích rừng được giao. Phát hiện và xử lý cương quyết, triệt để, đúng pháp luật tình trạng phá rừng ngay từ khi mới bắt đầu xảy ra các vụ việc huỷ hoại rừng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 243; Điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự; Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Sùng A D** phạm tội **"Hủy hoại rừng".**

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo **Sùng A D 36** (Ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam 03 tháng 23 ngày bằng 11 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành tiếp **24** (Hai mươi tư) tháng **21** (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Sùng A D cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục trong thời gian thi hành án; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ một phần thu nhập, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Sùng A D nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác. Huỷ bỏ Quyết định tạm giam số 72/2022/HSST-QĐTG ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đối với Sùng A D.

Bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, 589 của Bộ luật dân sự 2015.

Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Sùng A D đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho Nhà nước số tiền 14.754.400 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm năm tư nghìn bốn trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 2819 ngày 21/7/2022 và 2834 ngày 24/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên. Bị cáo đã thi hành xong trách nhiệm bồi thường dân sự.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Sùng A D có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 21/9/2022. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ

của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Mạnh Huấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA	HỘI THẨM
Vàng A Hý	**Nguyễn Mạnh Huấn**	**Khoàng Văn Sơn**